

Bản án số: 33/2021/HS-ST
Ngày: 12/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Dũng

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông: Lê Xuân Trị

- Ông: Nguyễn Thanh Long

- Bà: Nguyễn Thị Mai Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng - Kiểm sát viên. Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự theo văn bản số 126/VKSTC-V6 ngày 01/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Văn C**, sinh ngày 20/3/1960 tại Cần Thơ. Nơi cư trú: phường C, quận Ô, thành phố C; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; trình độ chuyên môn: Đại học Luật; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chấp hành viên, Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố C. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 02/6/2020 bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 50-QĐ/UBKTQU của Ủy ban kiểm tra Quận ủy Ô; con ông Đinh Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); anh chị em có 10 người; vợ Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962; con có 02 người, lớn sinh năm 1990 và nhỏ sinh năm 1998.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 30/12/1981 tại Hưng Yên. Nơi cư trú: khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố C; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; trình độ chuyên môn: Đại học; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Kế toán kiêm Thủ quỹ Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, thành phố C. Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 29/5/2020 bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 107-QĐ/UBNDQU của Ủy ban kiểm tra Quận ủy T; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Nguyễn Thị T (sống); anh chị em có 04 người; chồng Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1979; con có 02 người, lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2020. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa:

- Bào chữa cho bị cáo Đinh Văn C: Luật sư Trần Lâm S – Văn phòng Luật sư LS – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ và Luật sư Lưu Ngọc T – Văn phòng Luật sư LNT – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

- Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Luật sư Trần Văn S – Công ty Luật STDT – Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

* Bị hại: Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô, thành phố C.

Địa chỉ: phường C, quận Ô, thành phố C.

Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Hồng K - Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cục Thi hành án Dân sự thành phố C.

Địa chỉ: đường N, phường A, quận N, thành phố C.

Đại diện theo ủy quyền: ông Hà Văn K – Phó trưởng phòng Phòng kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo Cục Thi hành án Dân sự thành phố C (giấy ủy quyền số 651/GUQ-CTHADS ngày 09/6/2021).

2. Ông Cao Trung S, sinh năm 1971.

Địa chỉ: phường C, quận Ô, thành phố C.

3. Ông Phạm Quang Đ, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện T, thành phố C.

4. Ông Luyện Ngọc N, sinh năm 1969.

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, thành phố C.

5. Ông Trần Hữu L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: phường C, quận Ô, thành phố C.

6. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1949.

Địa chỉ: đường T, phường A, quận B, thành phố C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q: Luật sư Phạm Xuân T - Văn phòng Luật sư TB – Chi nhánh Văn phòng Luật sư TB – Đoàn Luật sư

tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn C nguyên là Chấp hành viên, Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (THADS) quận Ô, thành phố C (giai đoạn từ năm 1993 đến năm 2019), ngoài vai trò là Thủ trưởng đơn vị, Đinh Văn C còn trực tiếp thụ lý giải quyết thi hành án các vụ việc xảy ra trên địa bàn phường P, quận Ô. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, Đinh Văn C đã chỉ đạo Nguyễn Thị H, chức vụ Kế toán trưởng kiêm Thủ quỹ Chi cục THADS quận Ô (giai đoạn từ năm 2014 đến tháng 7/2018) lập hai hệ thống sổ sách kế toán, bỏ ngoài sổ sách để theo dõi riêng các khoản thu tiền thi hành án và chi cá nhân nhằm tránh bị phát hiện để tham ô tài sản. Cụ thể như sau:

1. Hành vi tham ô số tiền 606.449.500 đồng là tiền bán đấu giá tài sản thi hành án của Công ty TNHH AK để thi hành án cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam.

Bản án số 05/KDTM-ST ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ô quyết định buộc Công ty TNHH AK trả nợ cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam số tiền 73.114.414.403 đồng và 318.268,71 USD. Chi cục THADS quận Ô đã ra Quyết định số 809/QĐ-CCTHA ngày 19/5/2014 để thi hành. Quá trình tổ chức thi hành án, ngày 27/4/2014, Chấp hành viên Đinh Văn C đã ra quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản của Cty AK gồm: nhà xưởng, nhà kho, dây chuyền chế biến thủy hải sản, hệ thống máy móc, thiết bị, ô tô và trang thiết bị các loại...vv, đồng thời lập biên bản cưỡng chế, kê biên tài sản trong các ngày 07 - 08/8/2014. Theo Chứng thư thẩm định giá Vc14/08/18 ngày 20/8/2014 của Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam tài sản kê biên có giá trị 22.566.547.000 đồng. Chấp hành viên đã ký hợp đồng bán đấu giá tài sản trên với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C. Tài sản trên sau nhiều lần giảm giá đến ngày 28/9/2015 thì bán đấu giá thành với số tiền 13.347.000.000 đồng. Số tiền bán đấu giá tài sản trên, Trung tâm bán đấu giá gửi tiết kiệm được số tiền lãi 139.843.380 đồng. Sau khi trừ chi phí bán tài sản 74.530.500 đồng, số tiền còn lại là 13.412.313.380 đồng, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Cần Thơ đã chuyển khoản cho Chi cục THADS quận Ô và chuyển trực tiếp cho C và H, cụ thể:

Ngày 15/10/2015, Nguyễn Thị H trực tiếp đến Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C nhận số tiền 1.500.000.000 đồng (Phiếu chi số 12 ngày 15/10/2015). Sau đó, H đã nộp vào tài khoản của H số 1802583107618 tại Ngân hàng N – chi nhánh Ô.

Ngày 26/10/2015, Đinh Văn C trực tiếp đến Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C nhận số tiền 300.000.000 đồng (Phiếu chi số 24 ngày 26/10/2015). Số tiền này C không nhập quỹ đơn vị mà dùng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 22/12/2015, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C chuyển khoản vào tài khoản Chi cục THADS quận Ô mở tại Ngân hàng N – chi nhánh Ô số tiền 1.372.469.500 đồng (theo Lệnh thanh toán ngày 22/12/2015).

Ngày 04/10/2017, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C chuyển khoản vào tài khoản Chi cục THADS quận Ô mở tại Kho bạc Nhà nước quận Ô số tiền 10.239.843.880 đồng (theo Lệnh thanh toán ngày 06/7/2017).

Số tiền 13.412.313.380 đồng nhận được từ Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C, C và H đã chi trả tiền thi hành án cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam số tiền 12.538.923.880 đồng (Ủy nhiệm chi ngày 16/5/2016 của Ngân hàng N Ô số tiền 2.299.808.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 10/7/2017 của Kho bạc Nhà nước quận Ô số tiền 10.239.843.880 đồng), nộp thuế số tiền 266.940.000 đồng (giấy nộp tiền mặt vào Ngân sách Nhà nước ngày 15/10/2015). Tổng cộng đã chi trả thi hành án số tiền 12.805.863.880 đồng. Số tiền 606.449.500 đồng còn lại đã bị C và H chiếm đoạt sử dụng cá nhân hết.

Trong vụ việc này, C và H đã tham ô số tiền 606.449.500 đồng, trong đó Đinh Văn C tham ô số tiền 300.000.000 đồng lấy trực tiếp từ Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố C ngày 26/10/2015. Số tiền 1.500.000.000 đồng tuy H nộp vào tài khoản cá nhân nhưng đã dùng để chi trả cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam, số tiền còn lại 306.449.500 đồng, H khai đưa cho C tạm ứng nhưng C không thừa nhận và H không có chứng từ chứng minh nên H phải chịu trách nhiệm số tiền tham ô 306.449.500 đồng.

2. Hành vi tham ô số tiền 1.354.120.640 đồng trong số tiền 1.585.340.640 đồng Cty CP XDHT KCN C chuyển trả nợ cho Cty CP VN M C.

Bản án số 01/2016/KDTM-ST ngày 01/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Ô quyết định “*Buộc Công ty CP VN M C giao lại cho Cty CP XDHT KCN C phần đất có diện tích 107.302m²...Buộc Cty CP XDHT KCN C trả nợ cho Công ty CP VN M C số tiền 1.585.340.640 đồng (giá trị hàng rào đã xây dựng)*”. Chi cục THADS quận Ô đã ban hành các quyết định thi hành án dân sự số 284, 469/QĐ-CCTHA ngày 14/12/2016 để thi hành bản án trên. Quá trình tổ chức thi hành án, ngày 04/4/2017, Cty CP XDHT KCN C đã chuyển khoản bằng ủy nhiệm chi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần CT Việt Nam – chi nhánh Tây Đô cho Chi cục THADS quận Ô số tiền 1.585.340.640 đồng để thi hành án trả cho CP VN M C. Do biết được CP VN M C không còn hoạt động nên C đã bàn với H bỏ ngoài sổ sách theo dõi, không lập phiếu thu số tiền được thi hành án để rút ra tiêu xài cá nhân.

Tháng 4/2017, Cục THADS thành phố Cần Thơ chỉ đạo gửi tiền nộp thi hành án vào ngân hàng theo từng vụ việc nên ngày 21/4/2017, C đã ký séc rút tiền 5,6 tỷ đồng của 05 vụ việc, trong đó có tiền của vụ CP VN M C. Số tiền trên, C và H đã ký 08 hợp đồng tiền gửi với Ngân hàng N – chi nhánh Ô của 04 vụ việc dưới tên Chi cục THADS quận Ô.

Riêng số tiền 1.585.340.640 đồng của vụ CP VN M C, theo chỉ đạo của C, ngày 21/4/2017 H đã đứng tên mở sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N – chi nhánh Ô số tiền 1.322.783.000 đồng. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ cuốn

số tiết kiệm này nhưng số tiền còn lại trong sổ chỉ còn 10.021.000 đồng. H khai nhận đã rút trong sổ tiết kiệm 305.000.000 đồng để xây nhà, số còn lại 1.007.762.000 đồng đã rút nhiều lần đưa cho C tạm ứng.

Số tiền còn lại sau khi gửi tiết kiệm của vụ CP VN M C là 262.557.640 đồng, C và H sử dụng nộp phí thi hành án cho vụ Cty AK số tiền 221.199.000 đồng. Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra về C tác quản lý, sử dụng tài chính tại Chi cục THADS quận Ô đã kết luận việc lấy số tiền 221.199.000 đồng để nộp phí thi hành án thay cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam là trái quy định, không đúng chủ thể nên đến ngày 27/12/2019, Ngân hàng TMCP CT Việt Nam đã chuyển trả lại số tiền 221.199.000 đồng vào tài khoản của Chi cục THADS quận Ô. Còn lại số tiền 41.358.640 đồng, C và H không chứng minh được lý do thâm hụt cũng như không chứng minh được ai lấy bao nhiêu nên C và H phải chịu trách nhiệm chung về số tiền tham ô này.

Quá trình điều tra, C không thừa nhận đã chỉ đạo H gửi tiền tiết kiệm cũng như không tạm ứng số tiền 1.007.762.000 đồng. Tuy nhiên, tài liệu điều tra xác định C là người trực tiếp chỉ đạo thi hành án, trực tiếp ký séc để rút tiền, Cơ quan điều tra còn thu giữ được một số biên nhận tiền của C ghi rõ “sau trừ vào vụ CP VN M C” nên lời khai của C là không có căn cứ.

Số tiền C và H đã chiếm đoạt trong vụ CP VN M C là 1.354.120.640 đồng, trong đó H chiếm đoạt 305.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.049.120.640 đồng C và H cùng chiếm đoạt sử dụng cá nhân nên cùng chịu trách nhiệm chung về số tiền này. Nguyễn Thị H đã nộp số tiền 115.000.000 đồng, Đinh Văn C đã nộp 900.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

3. Hành vi tham ô số tiền 35.000.000 đồng tạm ứng chi phí cưỡng chế, kê biên tài sản trong 04 vụ việc thi hành án.

Đinh Văn C trực tiếp thi hành 04 vụ việc tại phường P do C phụ trách bao gồm: vụ việc hộ kinh doanh ATP nợ Ngân hàng Đ, Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí cưỡng chế 10.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số 006791 ngày 28/3/2017); vụ việc ông Phạm Hữu Đ nợ Ngân hàng PĐ, Ngân hàng nộp tạm ứng chi phí cưỡng chế 5.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số 006830 ngày 14/9/2017); vụ việc ông Bùi Văn P nợ Ngân hàng PĐ, Ngân hàng nộp tạm ứng chi phí cưỡng chế 10.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số 006828 ngày 14/9/2017); vụ việc ông Lê Văn L nợ Ngân hàng PĐ, Ngân hàng nộp tạm ứng chi phí cưỡng chế 10.000.000 đồng (Biên lai thu tiền số 006829 ngày 14/9/2017). Tổng cộng số tiền tạm ứng các Ngân hàng đã nộp là 35.000.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, mặc dù chưa thực hiện cưỡng chế, kê biên tài sản nhưng C và H đã thu tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế do các Ngân hàng nộp để sử dụng cá nhân. Khi Viện kiểm sát nhân dân thành phố C kiểm sát trực tiếp, để đối phó với số tiền thâm hụt quỹ, C chỉ đạo H và Trần Hữu L là thư ký Chi cục lập 04 bộ chứng từ không “*Đề nghị thanh toán chi phí kê biên, cưỡng chế*”, ghi lùi thời gian vào thời điểm tháng 6 và tháng 7/2017. Sau đó, H làm thủ tục thanh toán, C duyệt chi để hợp thức số tiền quỹ bị âm. Ngày 30/5/2019, C đã tự

nguyên nộp lại số tiền 35.000.000 đồng cho Chi cục THADS quận Ô để khắc phục hậu quả.

Ngày 17/4/2020, Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung chữ ký, chữ viết của các đối tượng liên quan. Kết luận giám định bổ sung số 39/KLGD-PC09 ngày 04/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ xác định “...các mẫu giám định ký hiệu từ A1 đến A4 không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không”. Mẫu giám định số 05 “...chữ viết trên 04 biên nhận của tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết của Trần Hữu L trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người viết ra”.

Trong vụ việc này, C và H đã tham ô số tiền 35.000.000 đồng tạm ứng chi phí cưỡng chế, kê biên tài sản.

Đối với ông Trần Hữu L tuy có hành vi cùng với H lập khống chứng từ giúp cho C và H hợp thức hóa số tiền chiếm đoạt 35.000.000 đồng. Tuy nhiên, hành vi tham ô số tiền 35.000.000 đồng của C và H đã hoàn thành nên hành vi của ông L có dấu hiệu “Che giấu tội phạm”, số tiền tham ô 35.000.000 đồng thuộc khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự nên hành vi của ông L không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã có kiến nghị Cục THADS thành phố C xử lý kỷ luật đối với ông Trần Hữu L.

Như vậy, tổng số tiền mà các bị cáo đã tham ô trong cả 03 vụ việc là **1.995.570.140 đồng**.

Ngoài ra, quá trình điều tra còn xác định được một số sai phạm trong C tác quản lý tài chính, tạm ứng tiền thi hành án, chi tiền cưỡng chế, kê biên thi hành án không đúng quy định pháp luật của một số Chấp hành viên và cán bộ của Chi cục THADS quận Ô, chủ yếu là do khi tổ chức cưỡng chế ở địa phương đã chi vượt tiền ăn uống, tiền bồi dưỡng cho các thành viên trong đoàn. Sau khi bị kiểm tra phát hiện, những người này đã chủ động nộp lại số tiền đã chi vượt cho Chi cục THADS quận Ô, khắc phục hoàn toàn hậu quả nên Cơ quan điều tra kiến nghị xử lý hành chính.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ một số tài liệu, đồ vật có liên quan gồm:

- Cuống séc từ số 267341 đến số 267348 do Ngân hàng N – Chi nhánh quận Ô phát hành.
- Sổ tiết kiệm số AB00004130486 mở ngày 21/4/2017 mang tên Nguyễn Thị H do Ngân hàng N – Chi nhánh quận Ô phát hành.
- Giấy nộp tiền 60.000.000 đồng do thu giữ khi khám xét nộp vào Kho bạc Nhà nước quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ để chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (trong đó, số tiền thu giữ tại nhà bị cáo Đinh Văn C là 50.000.000 đồng và số tiền thu giữ tại nhà bị cáo Nguyễn Thị H là 10.000.000 đồng).

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKSTC-V6 ngày 10/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đã truy tố các bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Thị H về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Vẫn giữ nguyên nội dung, quyết định cáo trạng truy tố về tội danh và điều khoản áp dụng đối với các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị tuyên phạt bị cáo C mức án từ 17 đến 18 năm tù.

+ Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự đề nghị tuyên phạt bị cáo H mức án từ 15 đến 16 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

+ Hoàn trả lại cho bị cáo C số tiền nộp khắc phục dư là 337.186.000 đồng.

+ Buộc bị cáo H tiếp tục nộp số tiền còn lại là 831.009.820 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Đinh Văn C thống nhất về tội danh và điều luật như cáo trạng đã truy tố và thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đồng thời Luật sư cho rằng bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo và đề nghị xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H cho rằng trong quá trình điều tra chưa làm rõ số tiền 500 triệu đồng bị cáo H nhận từ CP VN M C và các số tiền tạm ứng trong quá trình điều tra có được khấu trừ lại hay chưa, vấn đề này ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị cáo H. Nếu không được chấp nhận đề nghị trên thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và bị cáo có thành tích trong học tập, lao động, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Phát biểu lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát Nhân dân tối cao, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin vắng) nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên Tòa, về bản chất các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, thừa nhận số tiền các khoản tiền như nội dung cáo trạng đã quy kết, nhưng hai bị cáo lại đùn đẩy trách nhiệm về số tiền chiếm đoạt (trừ 300 triệu đồng của bị cáo C và 305 triệu đồng của bị cáo H đã tự thừa nhận). Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, kết hợp lời khai thừa nhận của các bị cáo, lời khai xác định của đại diện bị hại, đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Cục Thi hành án thành phố C. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Bị cáo Đinh Văn C và bị cáo Nguyễn Thị H vì vụ lợi cá nhân đã lợi dụng chức vụ quyền hạn được giao và sự buông lỏng quản lý của Cục Thi hành án Dân sự thành phố C để thông đồng chiếm đoạt tiền thi hành án trong thời gian C tác tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô. Với vai trò Thủ trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô và là người có trình độ, kinh nghiệm trong nhiều năm C tác thi hành án dân sự, bị cáo C đã trực tiếp chỉ đạo bị cáo H là kế toán kiêm thủ quỹ cơ quan thực hiện việc lập hai hệ thống quản lý sổ sách kế toán tạm ứng tiền thi hành án, thu tiền bán đấu giá tài sản nhưng không lập chứng từ thu và không nộp tiền vào quỹ thi hành án theo quy định, gửi tiền thi hành án vào tài khoản cá nhân, lập khống hồ sơ chứng từ thanh toán chi phí kê biên, cưỡng chế nhằm mục đích chiếm đoạt tiền thi hành án. Tổng số tiền mà các bị cáo đã chiếm đoạt trong 03 vụ việc nêu trên là 1.995.570.140 đồng. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá 1.000.000.000 đồng trở lên” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động đúng đắn của các cơ quan, tổ chức Nhà nước nói chung và đặc biệt là uy tín của Cơ quan Thi hành án Dân sự nói riêng. Việc làm của các bị cáo đã làm mất lòng tin của nhân dân, gây bức xúc trong dư luận xã hội về tình hình tội phạm liên quan đến chức vụ trong thời gian gần đây mà nổi cộm là tội phạm về tham nhũng của những người có chức vụ được Nhà nước và Nhân dân tin tưởng giao phó. Các bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì thỏa mãn lợi ích vật chất cá nhân mà vẫn

bất chấp hậu quả để thực hiện hành vi với lỗi cố ý, thậm chí các bị cáo còn thực hiện trong thời gian dài, cấu kết chặt chẽ nhằm che đậy hành vi vi phạm của mình, thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo. Vì vậy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo các bị cáo đồng thời đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội trong giai đoạn hiện nay.

Trong vụ án này, các bị cáo đã có sự cấu kết và phân công chặt chẽ, trong đó bị cáo Nguyễn Thị H là đồng phạm thực hành và giúp sức tích cực. Để chi xài cho mục đích cá nhân, các bị cáo đã lập hai hệ thống kế toán và phần mềm máy tính, bỏ ngoài sổ sách các khoản thu tiền thi hành án, lập khống các chứng từ thanh toán khi bị kiểm tra nhằm tránh bị phát hiện hành vi vi phạm.

Qua quá trình điều tra đã thể hiện các bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Thị H đã thực hiện các hành vi tham ô chiếm đoạt các vụ việc như sau:

Một là: Thực hiện hành vi tham ô tiền bán đấu giá tài sản thi hành án của Cty AK để thi hành án cho Ngân hàng TMCP CT Việt Nam (theo Bản án số 05/2013/KDTM-ST ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân quận Ô) với số tiền chiếm đoạt là 606.449.500 đồng.

Hai là: Thực hiện hành vi tham ô số tiền 1.354.120.640 đồng trong số tiền 1.585.340.640 đồng của Cty CP XDHT KCN C chuyển trả cho CP VN M C (theo Bản án số 01/2016/KDTM-ST ngày 01/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Ô).

Ba là: Các bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế, kê biên tài sản do Đinh Văn C trực tiếp phụ trách. Qua điều tra đã xác định các vụ vi phạm như: Vụ kinh doanh hộ ATP nợ Ngân hàng ĐD; vụ Phạm Hữu Đ, vụ Bùi Văn P và vụ Lê Văn L cùng nợ Ngân hàng PD. Các vụ này qua điều tra đã xác định, mặc dù chưa thực hiện cưỡng chế kê biên tài sản, nhưng C và H đã thu tiền tạm ứng chi phí cưỡng chế từ các Ngân hàng nộp và đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân khác, đến khi bị kiểm tra sợ bị phát hiện nên đã đối phó để hợp thức hóa bằng cách chỉ đạo cho cấp dưới lập 04 bộ hồ sơ khống đề nghị thanh toán kê biên, chi phí cưỡng chế nhằm chiếm đoạt số tiền 04 vụ là 35 triệu đồng.

Tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt là 1.995.570.140 đồng. Trong đó, bị cáo C phải chịu trách nhiệm trực tiếp với số tiền 300.000.000 đồng (vụ Cty AK), bị cáo H chịu trách nhiệm trực tiếp với số tiền 611.449.500 đồng (gồm 306.449.500 đồng của Cty AK và 305.000.000 đồng của Cty CP XDHT KCN C). Khoản tiền chiếm đoạt còn lại là 1.049.120.640 đồng, do các bị cáo không chứng minh được trách nhiệm thất thoát thuộc về ai nên phải liên đới cùng chịu trách nhiệm mỗi bị cáo phải chịu một nửa là 524.560.320 đồng. Như vậy, bị cáo

C phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền là 824.560.320 đồng và bị cáo H phải chịu trách nhiệm với tổng số tiền là 1.136.009.820 đồng. Mặc dù trong vụ án này số tiền bị cáo H chiếm đoạt nhiều hơn so với bị cáo C, nhưng xét thấy tính chất mức độ, vai trò của bị cáo C cao hơn bị cáo H.

Đối với hành vi lập hai hệ thống kế toán có dấu hiệu của tội “Vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng xét thấy đây là thủ đoạn nhằm che giấu hành vi tham ô tài sản nên không cần xử lý thêm về tội độc lập.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với các bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Thị H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt trong một khoảng thời gian dài gồm nhiều vụ án có hiệu lực phải thi hành án dân sự, số tiền các bị cáo chiếm đoạt mỗi lần đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cho nên các bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo Đinh Văn C, trong quá trình điều tra phía gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục số tiền là 935.000.000 đồng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Trong quá trình công tác, bị cáo C được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng 3 (Quyết định số 2278/QĐ-CTN ngày 12/9/2014); được tặng huy hiệu 30 năm tuổi Đảng; hiện tại sức khỏe không tốt bị mắc nhiều loại bệnh, cho nên bị cáo C đủ điều kiện được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục được số tiền là 305.000.000 đồng trong tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.136.009.820 đồng; bản thân bị cáo cũng đã thấy được việc làm sai trái và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô yêu cầu các bị cáo phải thực hiện bồi hoàn số tiền đã tham ô là 1.995.570.140 đồng.

Như phân tích ở phần trên mục 3 thì bị cáo C chiếm đoạt tổng cộng số tiền là 824.560.320 đồng. Trong giai đoạn điều tra phía gia đình bị cáo C đã khắc phục được số tiền là 935.000.000 đồng, như vậy đã nộp dư là 110.439.680 đồng nên bị cáo được nhận lại. Ngoài ra, Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô đã thu, quản lý số tiền trợ cấp nghỉ việc của Đinh Văn C là 176.747.000 đồng, xét đây là tiền chế độ chính sách, mặc khác phía bị cáo đã nộp số tiền khắc phục dư, nên cần phải hoàn trả lại cho bị cáo C.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H chiếm đoạt tổng số tiền là 1.136.009.820 đồng, trong giai đoạn điều tra phía bị cáo đã khắc phục được số tiền là

305.000.000 đồng, cho nên bị cáo H có trách nhiệm tiếp tục nộp số tiền còn lại là 831.009.820 đồng.

Đối với thiệt hại của Cty AK và CP VN M C do hành vi vi phạm của các bị cáo sẽ được tách ra giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về vật chứng:

- Đối với các tài liệu thu giữ có liên qua đến rút séc số tiền 3,66 tỷ đồng và tài liệu liên quan đến thiệt hại của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, Cty AK và CP VN M C theo biên bản giao nhận tài liệu đồ vật ngày 19/6/2020 (BL 941) xét cần tiếp tục quản lý kèm theo hồ sơ.

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng thu giữ tại nhà của Đinh Văn C qua việc khám xét, xét thấy không chứng minh được là nguồn tiền do phạm tội mà có nên trao trả lại cho gia đình bị cáo C.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng do Nguyễn Thị H giao nộp theo biên bản giao nhận, tài liệu, đồ vật ngày 15/5/2020 (BL 983) xét đây là tiền tạm ứng chi phí vụ kinh doanh ATP là do thu lợi bất chính nên sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần đảm bảo cho việc bồi hoàn trách nhiệm dân sự nên miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo để các bị cáo tập trung bồi hoàn cho Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô số tiền đã chiếm đoạt.

[8] Về án phí: Các bị cáo Đinh Văn C và Nguyễn Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo C, bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo **Đinh Văn C** và bị cáo **Nguyễn Thị H** phạm tội “Tham ô tài sản”.

2. Về áp dụng Điều luật: Áp dụng:

- Điểm a khoản 4 Điều 353; Điều 17; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đinh Văn C.

- Điểm a khoản 4 Điều 353; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị H.

3. Xử phạt:

- Bị cáo Đinh Văn C **16** (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2020.

- Bị cáo Nguyễn Thị H **15** (mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/5/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự:

- Bị cáo Đinh Văn C có trách nhiệm bồi hoàn tổng số tiền chiếm đoạt là 824.560.320 đồng được khấu trừ lại số tiền đã khắc phục cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô là 935.000.000 đồng. Số tiền phía bị cáo nộp khắc phục dư là 110.439.680 đồng, đại diện gia đình bị cáo là bà Nguyễn Ngọc T (vợ) được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô.

- Bị cáo Đinh Văn C được nhận lại tiền trợ cấp nghỉ việc là 176.747.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô, thành phố C.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị H có trách nhiệm bồi hoàn tổng số tiền chiếm đoạt là 1.136.009.820 đồng được khấu trừ lại số tiền đã khắc phục là 305.000.000 đồng, bị cáo H có trách nhiệm tiếp tục nộp số tiền còn lại là 831.009.820 đồng cho Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ô, thành phố C.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Thu giữ các tài liệu thu giữ có liên quan đến rút séc số tiền 3,66 tỷ đồng và tài liệu liên quan đến thiệt hại của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô, Cty AK và CP VN M C theo biên bản giao nhận tài liệu đồ vật ngày 19/6/2020 (BL 941) xét cần tiếp tục quản lý kèm theo hồ sơ.

- Giao trả lại cho gia đình bị cáo C (đại diện là bà Nguyễn Ngọc T) số tiền bị thu giữ là 50.000.000 đồng khám xét ngày 27/5/2020 (BL 137).

- Tịch thu số tiền 10.000.000 đồng do Nguyễn Thị H giao nộp theo biên bản giao nhận, tài liệu, đồ vật ngày 15/5/2020 (BL 983) sung vào ngân sách Nhà nước.

(02 khoản tiền 50.000.000 đồng và 10.000.000 đồng là theo quyết định chuyển vật chứng số 69/QĐ-VKSTC-V6 ngày 02/6/2021 của Viện kiểm sát Nhân dân tối cao chuyển đến Cục Thi hành án dân sự thành phố C).

6. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đinh Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo C do thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

7. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Cục THADS Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam CA Tp. Cần Thơ;
- CQ HSNV CA Tp. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Tp. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Dũng